

Số: 835/TB-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Chương trình đào tạo Chuyên khoa cấp I, chuyên ngành Bác sĩ gia đình (mã số: CK.607298) của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Chương trình đào tạo hệ chính quy đại học Kỹ thuật y học (mã số 77206); Dinh dưỡng (mã số 7720401); Điều dưỡng (mã số 7720301); Y đa khoa (đối tượng Y3, thực hành lâm sàng Ngoại khoa và Y học cổ truyền; đối tượng Y5, thực hành lâm sàng Nội thần kinh) của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện An Bình tại Bản công bố số 141/BVAB-KHTH ngày 14 tháng 02 năm 2019 và đối chiếu với các quy định tại Khoản 2 Điều 8, Điều 9, Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: **BỆNH VIỆN AN BÌNH**
2. Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 01366/SYT-GPHĐ do Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2016.
3. Địa chỉ: số 146 đường An Bình, phường 7, quận 5.
4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS.TS.BS. Bùi Mạnh Côn
5. Điện thoại liên hệ: (028) 39234359; Email: bv.anbinh@tphcm.gov.vn
6. Chuyên ngành đào tạo thực hành: Điều dưỡng đa khoa; Dinh dưỡng; Kỹ thuật y học; Bác sĩ gia đình; Y đa khoa (đối tượng Y3, thực hành lâm sàng Ngoại khoa và YHCT; đối tượng Y5, thực hành lâm sàng Nội thần kinh).
7. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học; Sau đại học (Chuyên khoa I).

8. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;

b) Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Phối hợp với cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

d) Xác nhận kết quả thực hành của người học thực hành;

e) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.


(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Bệnh viện An Bình)

Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết. /.

Nơi nhận:

- Cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Bệnh viện An Bình;
- Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch;
- Các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế;
- Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB (MT/04b).

TTHH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Tang Chí Thượng

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN AN BÌNH
Số: 149/BVAB-KHTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2019

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện An Bình.
Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh : 01366/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 05 năm 2016.
Địa chỉ: 146 An Bình, phường 7, quận 5, TP.HCM.
Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS. TS. BS. Bùi Mạnh Côn.
Điện thoại liên hệ: (028) 39234359 Email (nếu có): bv.anbinh@tphcm.gov.vn
Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Điều dưỡng, Kỹ thuật y học, Dinh dưỡng, Bác sĩ gia đình, Y đa khoa (đối tượng Y3 – thực tập Ngoại khoa và YHCT, đối tượng Y5 – thực tập Nội thần kinh).
2. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học, sau đại học.
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (đính kèm Phụ lục 1).
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (đính kèm Phụ lục 2).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: (đính kèm Phụ lục 2).
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (đính kèm phụ lục 3).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Bản công bố này thay thế Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe số 141/BVAB-KHTH của bệnh viện An Bình ngày 14/02/2019. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTH (NHMP/03b)



GIÁM ĐỐC

Bùi Mạnh Côn

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

(Đính kèm Bản công bố Số: 49 /BVAB-KHTH ngày 20/02/2019)

SAU ĐẠI HỌC/ ĐẠI HỌC: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
I. ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG (TÍN CHỈ)												
1	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Nhiễm	CSSK Người bệnh viêm gan siêu vi, thủy đậu, quai bị, viêm màng não mủ, sốt xuất huyết, uốn ván...	Nội Nhiễm	1	10	30	90	0	80
				Điều dưỡng NCT	Tiếp nhận bệnh nhân vào khoa, Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trên bệnh nhân người cao tuổi; Thực hiện quy trình chăm sóc bệnh nhân người cao tuổi; Giáo dục sức khỏe bệnh nhân và thân nhân khi nằm viện và trước khi xuất viện	Nội thần kinh	1	10	49	147	0	137
TỔNG CỘNG:							2	20	79	237	0	217

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
-----	------------	----------	---------------------	----------------------------	----------	----------------------------	--	---------------------------------------	--	---	-------------------	---------------------------

II. CỬ NHÂN KỸ THUẬT Y HỌC

2	77206	Đại học	Kỹ thuật y học	Nguyên lý phương pháp tạo ảnh y học	Các yếu tố hình học, sự rõ hình, rõ nét, tác dụng phía chân trong đầu đèn máy X - quang, các thiết bị hỗ trợ trong tạo ảnh y học, nguyên lý hoạt động X - quang Kỹ thuật số	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	1	10	0	0	0	10
				KT ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	Kỹ thuật tráng phim, rửa sạch thuốc và sấy khô phim, máy rửa phim tự động, máy in phim nhiệt, laser, lưu giữ hình ảnh trong các máy đặc biệt							
				KT chụp X - quang thông thường 1	Kỹ thuật X -quang chi trên, chi dưới, ngực - bụng							
				KT chụp X - quang thông thường 2	Kỹ thuật X - quang cột sống, sọ - mặt							
				Giải phẫu X - quang thường quy	Giải phẫu X -quang chi trên, chi dưới, cột sống, ngực - bụng, sọ - mặt, ống tiêu hóa, niệu sinh dục							
				KT chụp X - quang đặc biệt 1	Chuẩn bị bệnh nhân chụp đặc biệt và các xử trí tai biến thuốc cản quang, kỹ thuật chụp hệ tiêu hóa							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2	77206	Đại học	Kỹ thuật y học	KT chụp X - quang đặc biệt 2	Kỹ thuật chụp hệ tiết niệu, nhũ, tử cung - vòi trứng, kích quang chậu, răng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	1	10	0	0	0	10
				An toàn bức xạ	Ghi đo bức xạ, bảo vệ chống chiếu xạ ngoài, các khía cạnh liên quan tới tối ưu hóa an toàn bức xạ trong X - quang chẩn đoán y tế, hướng dẫn bảo đảm an toàn bức xạ trong X - quang chẩn đoán y tế, kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng, kiểm soát chiếu xạ y tế							
				Triệu chứng học hình ảnh XQ	Triệu chứng hình ảnh sọ não, mặt - xoang, bụng - ngực, tiết niệu, cột sống, khung chậu, xương, các chi							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2	77206	Đại học	Kỹ thuật y học	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	<p>Cấu tạo, nguyên lý vận hành máy CT, các khái niệm cơ bản, nguyên lý dựng hình, các loại xáo ảnh và cách khắc phục, chỉ định và chống chỉ định CT, các loại thuốc cản quang CT, KT chụp sọ não thường quy, sọ não chấn thương, xoang mặt, các phương pháp và thông số dựng hình</p> <p>Nhận định phim chụp CT sọ mặt đạt yêu cầu, các kỹ thuật chụp ngực, nhận định phim chụp CT ngực đạt yêu cầu, các kỹ thuật chụp bụng - gan, chậu, kỹ thuật chụp mạch máu</p> <p>Vận hành máy siêu âm, chuẩn bị bệnh nhân, cách cầm đầu dò, kỹ thuật siêu âm bụng, sản phụ khoa, tuyến vú, tuyến giáp, mô mềm</p>	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	1	10	0	0	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2	77206	Đại học	Kỹ thuật y học	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	Máy móc trang bị X - quang tầng sáng truyền hình, chuẩn bị dụng cụ, hóa chất chụp mạch, phương pháp Seldinger	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	1	10	0	0	0	10
				Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1	Các loại xảo ảnh trong MRI, chỉ định và chống chỉ định MRI, nguyên lý các chuỗi xung cơ bản, quy tắc an toàn trong MRI							
				Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2	Các kỹ thuật chụp MRI sọ não, cột sống, các khớp, bụng, các phương pháp và thông số dựng hình, nhận định phim chụp MRI đạt yêu cầu							
				Thực hành bệnh viện 1	Thực tập kỹ thuật chụp X - quang sọ - xoang, ngực - bụng, cột sống, các chi, thực hiện kỹ năng giao tiếp và sử dụng trang thiết bị							
				Thực hành bệnh viện 2	Kỹ thuật chụp CT sọ - mặt, ngực, bụng - chậu, tủy sống - cột sống, mạch máu							
TỔNG CỘNG:							1	10	0	0	0	10

II. CỬ NHÂN DINH DƯỠNG (NĂM THỨ 4)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	7720401	Đại học	Dinh Dưỡng	Dinh dưỡng lâm sàng ngoại	Đánh giá, chăm sóc, theo dõi dinh dưỡng cho BN ngoại khoa	Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	1	10	0	0	0	10
				Dinh dưỡng lâm sàng nội	Đánh giá, chăm sóc, theo dõi dinh dưỡng cho BN tiêu hóa, nội tiết, tim mạch							
				Dinh dưỡng lâm sàng BN nặng	Đánh giá, chăm sóc, theo dõi dinh dưỡng cho BN nặng							
				Thực tập nghề nghiệp	Đánh giá, chăm sóc, theo dõi dinh dưỡng cho BN BV							
TỔNG CỘNG:							1	10	0	0	0	10

IV. Y ĐA KHOA

4	7720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa (Đối trọng Y3)	Ngoại khoa	Sự liền vết thương Điều trị u phổi, màng phổi và trung thất Nhiễm trùng ngoại khoa và kháng sinh trong phẫu thuật Điều trị chấn thương và vết thương ngực	Ngoại tổng quát	4	10	56	168	0	158
---	---------	---------	------------------------------------	------------	---	--------------------	---	----	----	-----	---	-----

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
4	7720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa (Đối tượng Y3)	Ngoại khoa	<p>Vết thương mạch máu ngoại biên</p> <p>Chấn thương và vết thương bụng</p> <p>Sốc chấn thương</p> <p>Thùng dạ dày - tá tràng</p> <p>Chuẩn bị BN trước mổ và CS BN sau mổ</p> <p>Điều trị Ngoại khoa bệnh bướu giáp</p> <p>Bệnh học và điều trị ung thư thực quản</p> <p>Điều trị chấn thương hệ niệu - sinh dục</p> <p>Điều trị bướu niệu -sinh dục</p> <p>Điều trị sỏi hệ niệu</p> <p>Phi đại tiền liệt tuyến</p> <p>Viêm phúc mạc</p> <p>Cấp cứu bụng Ngoại khoa</p> <p>Trĩ</p> <p>Tắc ruột</p>	Ngoại tổng quát	4	10	56	165	0	155

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
4	7720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa (Đối tượng Y3)	Ngoại khoa	Viêm ruột thừa Nhiễm trùng đường mật do sỏi Viêm túi mật do sỏi Ung thư đại tràng Ung thư trực tràng Thoát vị bẹn – đùi Áp xe gan Ung thư gan nguyên phát Ung thư tụy – đường mật và quanh nhú Vater Điều trị viêm tụy cấp và mãn Áp xe và rò hậu môn Ung thư dạ dày	Ngoại tổng quát	4	10	56	168	0	158
			Y đa khoa/Y khoa (Đối tượng Y5)	Nội Thân Kinh	Tai biến mạch máu não Động kinh Bệnh thần kinh ngoại biên Cách khám các dây thần kinh sọ	Nội thần kinh	1	10	49	150	0	140
			Y đa khoa/Y khoa (Đối tượng Y5)	Nội Thân Kinh	Cách tiếp cận các triệu chứng thường gặp (Đau đầu, chóng mặt)	Nội thần kinh	1	10	49	150	0	140

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
4	7720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa (Đối tượng Y3)	YHCT	1. Hệ thống huyết chẩn đoán: Du – Mộng huyết. 2. Hệ thống huyết điều trị: Nguyên – Thủy – Hỏa huyết 3. Châm cứu trị liệu: Hư thì bổ, Thực thì tả 4. Các vị thuốc bổ nguyên khí, điều chỉnh Hàn – Nhiệt 5. Định Hướng chẩn đoán và điều trị các bệnh lý thông thường trên LS	Khoa YHCT-VLTL	1	10	15	45	0	35
TỔNG CỘNG:							6	30	120	363	0	333
V. CHUYÊN KHOA I (NĂM THỨ NHẤT)												
5	CK 607298	Sau ĐH	CKI BS Gia đình	YHCT	1. Châm cứu trị liệu: Hư thì bổ, Thực thì tả 2. Các vị thuốc bổ nguyên khí, điều chỉnh Hàn – Nhiệt 3. Định Hướng chẩn đoán và điều trị các bệnh lý thông thường trên LS	Khoa YHCT-VLTL	1	10	15	45	0	35
TỔNG CỘNG:							1	10	15	45	0	35

NGƯỜI LẬP BẢNG

15/05/2015 Nguyễn Đức Trung



GIÁM ĐỐC

Bùi Mạnh Lân

Phụ lục 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đính kèm Bản công bố Số: 147/BVAB-KHTH ngày 20/02/2024)
SAU ĐẠI HỌC/ ĐẠI HỌC: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa,	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Hoàng KC Trang	CNDD	Điều dưỡng	0018144/HC M-CCHN	Điều dưỡng	4	Nhiễm	CSSK Người bệnh viêm gan siêu vi, thủy đậu, quai bị, viêm màng não mủ, sốt xuất huyết, uốn ván...	Nội Nhiễm	30
2	Thời Quý Như Trân	CNDD	Nội Thần Kinh	0023468/HC M-CCHN	Điều dưỡng	4	Điều dưỡng NCT	Tiếp nhận bệnh nhân vào khoa, Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng trên bệnh nhân người cao tuổi; Thực hiện quy trình chăm sóc bệnh nhân người cao tuổi; Giáo dục sức khỏe bệnh nhân và thân nhân khi nằm viện và trước khi xuất viện	Nội thần kinh	49
3	Vũ Minh Dzũng	BS.CKII	Bác sĩ	0025958/HC M-CCHN	CDHA	4	Nguyên lý phương pháp tạo ảnh y học	Các yếu tố hình học, sự rõ hình, rõ nét, tác dụng phía chân trong đầu đèn máy X - quang, các thiết bị hỗ trợ trong tạo ảnh y học, nguyên lý hoạt động X - quang Kỹ thuật số	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	-

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa,	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
3	Vũ Minh Dzũng	BS.CKII	Bác sĩ	0025958/HC M-CCHN	CĐHA	4	KT ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	Kỹ thuật tráng phim, rửa sạch thuốc và sấy khô phim, máy rửa phim tự động, máy in phim nhiệt, laser, lưu giữ hình ảnh trong các máy đặc biệt	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
							KT chụp X - quang thông thường 1	Kỹ thuật X -quang chi trên, chi dưới, ngực - bụng		
							KT chụp X - quang thông thường 2	Kỹ thuật X - quang cột sống, sọ - mặt		
							Giải phẫu X - quang thường quy	Giải phẫu X -quang chi trên, chi dưới, cột sống, ngực - bụng, sọ - mặt, ống tiêu hóa, niệu sinh dục		
							KT chụp X - quang đặc biệt 1	Chuẩn bị bệnh nhân chụp đặc biệt và các xử trí tai biến thuốc cản quang, kỹ thuật chụp hệ tiêu hóa		
							KT chụp X - quang đặc biệt 2	Kỹ thuật chụp hệ tiết niệu, nhũ, tử cung - vòi trứng, kích quang chậu, răng		

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa,	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
3	Vũ Minh Dzũng	BS.CKII	Bác sĩ	0025958/HC M-CCHN	CĐHA	4	An toàn bức xạ	Ghi đo bức xạ, bảo vệ chống chiếu xạ ngoài, các khía cạnh liên quan tới tối ưu hóa an toàn bức xạ trong X - quang chẩn đoán y tế, hướng dẫn bảo đảm an toàn bức xạ trong X - quang chẩn đoán y tế, kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng, kiểm soát chiếu xạ y tế	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
							Triệu chứng học hình ảnh XQ	Triệu chứng hình ảnh sọ não, mặt - xoang, bụng - ngực, tiết niệu, cột sống, khung chậu, xương, các chi		
							Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	Cấu tạo, nguyên lý vận hành máy CT, các khái niệm cơ bản, nguyên lý dựng hình, các loại xảo ảnh và cách khắc phục, chỉ định và chống chỉ định CT, các loại thuốc cản quang CT, KT chụp sọ não thường quy, sọ não chấn thương, xoang mặt, các phương pháp và thông số dựng hình		
Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	Nhận định phim chụp CT sọ mặt đạt yêu cầu, các kỹ thuật chụp ngực, nhận định phim chụp CT ngực đạt yêu cầu, các kỹ thuật chụp bụng - gan, - chậu, kỹ thuật chụp mạch máu									


NH
BỆ
AN
OS

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa,	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
4	Nguyễn Đức Trung	ThS.BS	Bác sĩ	040278/HCM-CCHN	Ngoại Khoa	2	Dinh dưỡng lâm sàng ngoại	Đánh giá, chăm sóc, theo dõi dinh dưỡng cho BN ngoại khoa	Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế	
							Dinh dưỡng lâm sàng nội	Đánh giá, chăm sóc, theo dõi dinh dưỡng cho BN tiêu hóa, nội tiết, tim mạch		
							Dinh dưỡng lâm sàng BN nặng	Đánh giá, chăm sóc, theo dõi dinh dưỡng cho BN nặng		
							Thực tập nghề nghiệp	Đánh giá, chăm sóc, theo dõi dinh dưỡng cho BN BV		
5	Bùi Mạnh Côn	PGS.BS	Bác sĩ	0024198/HC M-CCHN	Nội - Ngoại Khoa	4	Ngoại khoa	Sự liền vết thương	Ngoại tổng quát	56
								Điều trị u phổi, màng phổi và trung thất		
								Nhiễm trùng ngoại khoa và kháng sinh trong phẫu thuật		
								Điều trị chấn thương và vết thương ngực		
								Vết thương mạch máu ngoại biên		
								Chấn thương và vết thương bụng		
								Sốc chấn thương		
								Thùng dạ dày - tá tràng		
Chuẩn bị BN trước mổ và CS BN sau mổ										

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa,	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giờ/ghé răng đạt yêu cầu thực hành
5	Bùi Mạnh Côn	PGS.BS	Bác sĩ	0024198/HC M-CCHN	Nội - Ngoại Khoa	4	Ngoại khoa	Điều trị Ngoại khoa bệnh bướu giáp Bệnh học và điều trị ung thư thực quản	Ngoại tổng quát	56
6	Phạm Ngọc Tào	BS.CKII	Bác sĩ	0018077/HC M-CCHN	Nội - Ngoại Khoa	4	Ngoại khoa	Điều trị chấn thương hệ niệu -sinh dục Điều trị bướu niệu -sinh dục Điều trị sỏi hệ niệu Phi đại tiền liệt tuyến Viêm phúc mạc Cấp cứu bụng Ngoại khoa Trĩ Tắc ruột Viêm ruột thừa Nhiễm trùng đường mật do sỏi Viêm túi mật do sỏi Ung thư đại tràng Ung thư trực tràng Thoát vị bẹn – đùi Áp xe gan Ung thư gan nguyên phát Ung thư tụy – đường mật và quanh nhú Vater Điều trị viêm tụy cấp và mãn Áp xe và rò hậu môn Ung thư dạ dày	Ngoại tổng quát	56
7	Đoàn Vương Kiệt	ThS.BS	Bác sĩ	008410/HCM -CCHN	Ngoại Khoa	5		Ung thư gan nguyên phát Ung thư tụy – đường mật và quanh nhú Vater Điều trị viêm tụy cấp và mãn Áp xe và rò hậu môn Ung thư dạ dày		
8	Hồ Hữu Thật	ThS.BS	Bác sĩ	003428/HCM -CCHN	Nội thần kinh	6	Nội thần kinh	Tai biến mạch máu não Động kinh Bệnh thần kinh ngoại biên Cách khám các dây thần kinh sọ Cách tiếp cận các triệu chứng thường gặp (Đau đầu, chóng mặt)	Nội thần kinh	56

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa,	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
9	Nguyễn Kim Trang	ThS. BS	Bác sĩ	005034/HCM-CCHN	Nội Khoa	6	YHCT	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống huyết chẩn đoán: Du – Mộ huyết. Hệ thống huyết điều trị: Nguyên – Thủy – Hòa huyết Châm cứu trị liệu: Hư thì bổ, Thực thì tả Các vị thuốc bổ nguyên khí, điều chỉnh Hàn – Nhiệt Định Hướng chẩn đoán và điều trị các bệnh lý thông thường trên LS 	Khoa YHCT-VLTL	15
							<ol style="list-style-type: none"> Châm cứu trị liệu: Hư thì bổ, Thực thì tả Các vị thuốc bổ nguyên khí, điều chỉnh Hàn – Nhiệt Định Hướng chẩn đoán và điều trị các bệnh lý thông thường trên LS 			

NGƯỜI LẬP BẢNG


ThS.BS. Nguyễn Đức Trung

GIÁM ĐỐC




Bùi Mạnh Lân

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ

TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Đính kèm Bản công bố Số: 149/BVAB-KHTH ngày 20/02/2019)

SAU ĐẠI HỌC/ ĐẠI HỌC: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Stt	Tên trang thiết bị	Số lượng	Chú thích
1	2	3	4
1	Phòng học	4	01 Hội trường: sức chứa 250 học viên 01: Phòng họp giao ban: sức chứa 100 học viên 01 phòng họp số 2: sức chứa 30 học viên 01 Phòng huấn luyện: sức chứa 50 học viên
2	Màn chiếu	2	
3	Máy chiếu	2	
4	Máy vi tính xách tay	2	
5	Bút trình chiếu	2	
I. Phòng Điều Dưỡng			
6	Mô hình người	1	
7	Mô hình chăm sóc người lớn bán thân	1	
II. Khoa Nội Nhiễm			
8	Pulse Oximeter	1	
9	Máy bơm tiêm điện	1	
10	Máy đo điện tim	1	
11	Máy hút dịch	1	
12	Máy thở khí dung	1	
III. Khoa Nội Thần Kinh			
13	Máy đo điện cơ	1	
14	Máy đo điện não	1	
15	Máy đo điện tim	1	
16	Máy đo điện tim	1	
17	Máy bơm tiêm điện	1	
18	Máy bơm tiêm điện	1	
19	Máy giúp thở	1	
20	Máy giúp thở	2	
21	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
22	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
23	Máy hút dịch	1	
24	Máy hút đàm	1	
25	Máy sốc tim tạo nhịp	1	
26	Pulse Oximeter	1	
IV. Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh			
27	Máy siêu âm màu	1	
28	Máy siêu âm màu	1	
29	Máy siêu âm màu	1	
30	Máy siêu âm màu	1	



Stt	Tên trang thiết bị	Số lượng	Chú thích
31	Máy siêu âm màu	1	
32	Máy Xquang di động	1	
33	Máy in phim trắng đen	1	
34	Máy Xquang cố định	1	
35	Máy Xquang cố định	1	
36	Máy Xquang kỹ thuật số	1	
37	Máy MSCT	1	
38	Máy Xquang di động	1	
39	Máy rửa phim XQ KTS	1	
40	Máy rửa phim MSCT	1	
41	Máy rửa phim	1	
42	Máy rửa phim	1	
43	Máy rửa phim	1	
44	Máy rửa phim	1	
V. Khoa Ngoại			
45	Máy điện tim	1	
46	Đèn khám bệnh bằng ánh sáng LED	1	
47	Bộ soi bàng quang cứng và gấp thông niệu quản	1	
48	Máy hút đàm	1	
49	Máy hút đàm	1	
50	Máy hút đàm	1	
51	Máy khí dung	1	
52	Máy sốc tim tạo nhịp	1	
53	Máy bơm tiêm điện	1	
54	Hệ thống phẫu thuật nội soi tổng quát-Olympus		
55	Màn hình	1	
56	Nguồn sáng	1	
57	Bộ VXL	1	
58	Nguồn sáng	1	
59	Máy cắt đốt phẫu thuật	1	
60	Surgi pump	1	
61	Máy cắt đốt phẫu thuật	1	
62	Ecopump	1	
63	Máy nội soi phẫu thuật niệu-Karl Storz		
64	Màn hình	1	
65	Nguồn sáng	1	
66	Bộ VXL	1	
67	Máy gây mê giúp thở	1	
68	Máy gây mê giúp thở	1	
69	Máy gây mê giúp thở	1	
70	Máy gây mê giúp thở	1	
71	Máy gây mê giúp thở	1	
72	Đèn mổ	2	
73	Đèn mổ	1	
74	Đèn mổ	1	

Stt	Tên trang thiết bị	Số lượng	Chú thích
75	Đèn mổ treo tường	1	
76	Đèn mổ di động Led	1	
77	Đèn khám và mổ di động	1	
78	Đèn mổ 2 nhánh	1	
79	Bàn mổ KAMIYA (NHAT)	1	
80	Bàn mổ CASTLE (MY)	1	
81	Bàn mổ KAMIYA (NHAT)	1	
82	Bàn mổ quay tay AAMSCO (MY)	1	
83	Bàn mổ quay tay (PHAP)	1	
84	Bàn mổ MAQUET-BETA CLASSIC	1	
85	Bàn mổ MAQUET-BETA CLASSIC	1	
86	Bàn mổ thủy lực	1	
87	Máy cắt đốt phẫu thuật cao tần	1	
88	Máy cắt đốt phẫu thuật cao tần	1	
89	Máy cắt đốt cao tần	1	
90	Máy cắt đốt cao tần có hàn kẹp mạch máu	1	
91	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
92	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
93	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
94	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
95	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
96	Kéo nội soi Metzenbaun Rudolf	1	
97	Kéo nội soi Metzenbaun Rudolf	1	
98	Kéo nội soi Metzenbaun Rudolf	1	
99	Kéo phẫu thuật GD 302.214	1	
100	Ống kính soi ổ bụng	1	
101	Ống nội soi ổ bụng	1	
102	Ống soi quang học	1	
103	Ống kính soi ổ bụng 10mm	1	
104	Ống nội soi cắt đốt UXTLT	1	
105	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	1	
106	Bộ dụng cụ đại phẫu (47 khoản)	2	
107	Bộ dụng cụ phẫu thuật	1	
108	Bộ dụng cụ lấy sỏi và tán sỏi niệu quản	1	
109	Hệ thống nước rửa tay tiết trùng	1	
110	Máy bơm tiêm điện	1	
111	Máy đo điện tim	1	
112	Máy đo SpO2	1	
113	Lò hấp khô	1	
114	Lò hấp	1	
115	Máy hút dịch New Hospivas 350	1	
116	Máy khử trùng PHÒNG MỔ	1	
117	Pulse Oximeter	2	
118	Trocar set tròn	1	
119	Xe ngâm dụng cụ nội soi inox	1	
VI. Khoa Vật Lý Trị Liệu Y Học Dân Tộc			
120	Máy sóng ngắn	1	



Stt	Tên trang thiết bị	Số lượng	Chú thích
121	Máy siêu âm điều trị VLTL	1	
122	Máy siêu âm điều trị đa tần	1	
123	Máy kích thích điện VLTL	1	
124	Máy kích thích điện VLTL	1	
125	Máy sắc và đóng gói thuốc đông y	1	
126	Máy sắc và đóng gói thuốc đông y	1	
127	Máy kéo giãn cột sống cổ, lưng và ngực	1	
128	Giường kéo giãn cột sống	1	

NGƯỜI LẬP BẢNG


ThS.BS. Nguyễn Đức Trung

GIÁM ĐỐC



Bùi Mạnh Lân

Số: 74 /QĐ-BVAB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Giao chỉ tiêu giường bệnh năm 2019

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN AN BÌNH

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Bệnh viện;

Căn cứ Quyết định 3942/QĐ-SYT ngày 06/6/2017 của Sở Y tế về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của bệnh viện An Bình trực thuộc Sở Y tế Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5546/QĐ-SYT ngày 09/8/2017 của Sở Y tế về Sửa đổi bổ sung thêm một số khoa lâm sàng tại Quyết định số 3942/QĐ-SYT ngày 06/6/2017 của Sở Y tế về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện An Bình;

Căn cứ Quyết định số 5310/QĐ-SYT ngày 08/10/2018 của Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh về việc giao chỉ tiêu giường bệnh cho các đơn vị thuộc ngành y tế thành phố Hồ Chí Minh năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp giao chỉ tiêu chuyên môn, nhân sự ngày 18/12/2018 và 19/12/2018 của Bệnh viện An Bình về việc giao chỉ tiêu giường bệnh nội trú;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc bệnh viện;

Theo Tờ trình của phòng Kế hoạch tổng hợp ngày 14/02/2019;

Xét đề nghị của Quyền điều hành phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay giao chỉ tiêu 500 giường bệnh kế hoạch cho các khoa (phòng) tại Bệnh viện để phục vụ công tác điều trị, khám, chữa bệnh năm 2019 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các trưởng khoa (phòng) có trách nhiệm ổn định tổ chức nhân sự, số lượng người làm việc, chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị và sắp xếp, bố trí giường bệnh để phục vụ công tác điều trị, khám, chữa bệnh theo kế hoạch chỉ tiêu giường bệnh được phân công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 37/QĐ-BVAB ngày 14/01/2019 về việc Giao chỉ tiêu giường bệnh năm 2019.

Điều 4. Trưởng các khoa (phòng) chức năng, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT, P.KHTH, TCCB.
(VTTP/05b)



GIÁM ĐỐC

Bùi Mạnh Lân



**DANH SÁCH GIAO CHỈ TIÊU GIƯỜNG BỆNH CHO CÁC KHOA (PHÒNG)
NĂM 2019 BỆNH VIỆN AN BÌNH**

(Đính kèm Quyết định số: 74.../QĐ-BVAB ngày 11 tháng 02 năm 2019)

Stt	Tên khoa (phòng)	Chỉ tiêu giường bệnh
1	Gây mê hồi sức	04
2	Nhiễm	30
3	Ngoại tổng hợp	56
4	Tim mạch	59
5	Nội tiêu hóa	50
6	Sản	55
7	Nhi	06
8	Nội tiết – thận	53
9	Mắt	05
10	Nội thần kinh	49
11	Hồi sức tích cực chống độc	10
12	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	37
13	Hô hấp	48
14	Y học cổ truyền - Vật lý trị liệu	15
15	Tai mũi họng	13
16	Cấp cứu	10
Tổng		500

Số lượng giường được giao có sự thay đổi để phù hợp với các khoa theo tình hình thực tế và quy chế bệnh viện. Khoa Gây mê hồi sức, khoa Hồi sức tích cực chống độc, khoa Cấp cứu được giao chỉ tiêu giường bệnh theo quy chế chi tiêu nội bộ và hướng năng suất chung của bệnh viện. Khoa Nhi được giao chỉ tiêu giường bệnh nhưng hiện tại không có lưu trữ nội trú nên hướng năng suất chung Bệnh viện cho đến khi khoa Nhi triển khai nội trú trở lại. ()